

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 184/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 21/8/2019
V/v tranh chấp “Ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Vũ Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- 1. Bà Đào Thị Thu Vân**
- 2. Ông Nguyễn Văn Trí.**

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Lắm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 508/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 333/2019/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Tuyết N, sinh năm 1993; địa chỉ: ấp 1, xã K, huyện C, tỉnh An Giang, (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc T, sinh năm 1992; địa chỉ: ấp 1, xã A, huyện C, tỉnh An Giang, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Tuyết N trình bày: Chị và T do tự tìm hiểu và được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2017, anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Anh chị sống chung hạnh phúc đến tháng 02 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, trong cuộc sống thường xuyên cự

cãi, tình tình không phù hợp nhau. Nay nhận thấy tình cảm không còn chị yêu cầu ly hôn với anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc N1, sinh ngày 31/8/2017. Hiện nay cháu N1 sống chung với chị N. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N1, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật cho đến khi con chung thành niên.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Quốc T trình bày: Anh thống nhất lời trình bày của chị N về thời gian kết hôn và sống chung, nguyên nhân mâu thuẫn thì không đúng N1 chị N trình bày, nguyên nhân do sống chung thời gian đầu cũng hạnh phúc N1ng thời gian sau do vấn đề tài chính, chị N về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay, nếu chị N quyết định ly hôn thì anh đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc N1, sinh ngày 31/8/2017. Từ trước đến nay cháu N1 sống chung với anh T, N1ng hiện nay chị N rước cháu về nhà chị N. Khi ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N1, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến giải quyết vụ án:

Chị Lê Thị Tuyết N và anh Nguyễn Quốc T kết hôn năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kiến An ngày 21/3/2017, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Chị N cho rằng: Quá trình chung sống, vợ chồng không cùng quan điểm về tài chính nên thường xuyên cự cãi dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng và chị xác định không còn tình cảm nên yêu cầu ly hôn và anh T đồng ý. Xét sự thuận tình ly hôn của chị N và anh T là phù hợp Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên công nhận.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc N1, sinh ngày 31/8/2017. Hiện anh T đang nuôi dưỡng, anh T, chị N đều yêu cầu được nuôi con chung, anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, chị N có yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định. Xét thấy, cháu N1 dưới 36 tháng tuổi nên cần thiết giao cho chị N nuôi dưỡng

theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Anh T không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 750.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xem xét:

- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Tuyết N và anh Nguyễn Quốc T.

- Chị Lê Thị Tuyết N được nuôi con chung tên Nguyễn Ngọc N1, sinh ngày 31/8/2017.

- Buộc anh Nguyễn Quốc T có nghĩa vụ giao cháu Nguyễn Ngọc N1 cho chị Lê Thị Tuyết N nuôi dưỡng.

- Anh Nguyễn Quốc T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Ngọc N1, mỗi tháng 750.000 đồng đến khi cháu Nguyễn Ngọc N1, trưởng thành và có khả năng lao động.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Chị Lê Thị Tuyết N khởi kiện anh Nguyễn Quốc T cư trú ấp Long Hòa 1, xã Long Điền A, huyện C, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về hôn nhân*: Chị N và anh T tổ chức lễ cưới vào năm 2017, anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Kiến An, huyện C, tỉnh An Giang nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống do anh, chị bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Chị và anh T không còn sống chung từ tháng 02 năm 2019 cho đến nay, N1 vậy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung giữa không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh T, anh T đồng ý ly hôn. Xét thấy việc thuận tình ly hôn giữa chị N và anh T là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội nên công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn là phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. *Về con chung*: Anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc N1, sinh ngày 31/8/2017. Hiện cháu đang sống chung với chị N. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N1, anh T cũng có yêu cầu được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N1. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần

phải xem xét mọi mặt về quyền lợi của con chưa thành niên. Xét thấy, trong thời gian chị N, anh T sống chung cháu N1 vẫn được anh chị chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hiện cháu N1 đang còn nhỏ cần phải có sự chăm sóc, giáo dục của người mẹ để cháu phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Đồng thời cháu N1 đến nay chưa đủ 36 tháng tuổi. Chị N hiện đang có công việc thu nhập ổn định, gần nơi ở nên cũng thuận tiện cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Hội đồng xét xử nghĩ nên giao cháu N1 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình “ Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”.

[4]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Tại phiên tòa, chị N yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cho cháu N1 mỗi tháng 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi ngàn đồng) cho đến khi cháu N1 thành niên. Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị N là phù hợp với khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5]. *Về tài sản chung*: Chị Lê Thị Tuyết N, anh Nguyễn Quốc T thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. *Về nợ chung*: Chị Lê Thị Tuyết N, anh Nguyễn Quốc T thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ghi nhận chị N, anh T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị N và anh T thì anh, chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[7]. *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Lê Thị Tuyết N, anh Nguyễn Quốc T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều 28, 35, 39, 144, 147, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Khoản 1 Điều 53, Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Tuyết N và anh Nguyễn Quốc T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 54 ngày 21/3/2017 của Ủy ban nhân xã K huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Chị Lê Thị Tuyết N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Ngọc N1, sinh ngày 31/8/2017.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi ngàn đồng) cho đến khi con chung thành niên.

Chị N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về tài sản chung: Chị Lê Thị Tuyết N, anh Nguyễn Quốc T thống nhất không có.

- Về nợ chung: Chị Lê Thị Tuyết N, anh Nguyễn Quốc T thống nhất không có.

Ghi nhận chị N, anh T thống nhất không có nợ chung, N1ng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh T và chị N thì anh, chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Về án phí: Chị Lê Thị Tuyết N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0013139 ngày 03/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang. Chị N không phải nộp thêm.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Quốc T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã K, huyện C;
tỉnh An Giang.
- Các đương sự;
- Lưu./.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Vũ Sơn